



Phụ lục 3

TỔNG HỢP CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC CÁC ĐIỂM TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI CỦA MỘT SỐ CCN NĂM 2017- NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo giám sát chuyên đề số 143 /BC-KTNS ngày 04/12/2021

của Ban kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh)

STT	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc			
		Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Điểm tiếp nhận nước thải của CCN Văn An 1 (Chí Linh) (Mương tiêu của khu vực cạnh cty Sendensticker)	DO các đợt đều không đạt QCCP; NO ₂ ⁻ - N vượt 1,24-7 lần; TSS = 86 mg/l vượt 1,72-2,36 lần Đợt IV: COD = 63 mg/l vượt 2,1 lần; BOD = 20 mg/l vượt 1,3 lần; TSS = 190mg/l vượt 3,8 lần	DO không đạt QCCP; TSS vượt 1,96- 3,68 lần; NO ₂ ⁻ - N vượt 1,44-2,04 lần; đợt IV: NH ₄ ⁺ -N = 3,55 mg/l vượt 3,94 lần; PO ₄ ³⁻ -P = 0,66 mg/l vượt 2,2 lần;	DO không đạt QCCP; NO ₂ ⁻ - N vượt 1,76 -6,14 lần; NH ₄ ⁺ -N vượt 1,61- 2,25 lần:	NO ₂ ⁻ -N vượt 2,26 – 14 lần (đợt 1, 2, 4); NH ₄ ⁺ -N vượt 1,7 lần (đợt 4); COD vượt 4,2 lần (đợt 4); BOD ₅ vượt 2,33 lần (đợt 4)
2	Điểm tiếp nhận nước thải của CCN Văn An 2 (Chí Linh) (Mương tiêu của khu vực)	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 1,39-4,22 lần; NO ₂ ⁻ - N vượt 1,04- 3,84 lần, PO ₄ ³⁻ -P vượt 1,03-3,73 lần;	DO = 3,7 mg/l không đạt QCCP; NO ₂ ⁻ - N vượt 1,12-1,6 lần; NH ₄ ⁺ -N vượt 4,46-5,17 lần; đợt II: PO ₄ ³⁻ -P =0,52 mg/l vượt 1,73 lần;	Đợt 1: NH ₄ ⁺ -N vượt 1,3 lần; đợt 2: COD vượt 17 lần và BOD ₅ vượt 1,13 lần; đợt 3: các thông đạt QCCP; đợt 4: F ⁻ vượt 1,15 lần; NO ₂ ⁻ - N vượt 1,78 lần;	F ⁻ vượt từ 3,43 - 4,07 lần (đợt 1, 2, 3); NH ₄ ⁺ -N vượt 2,11 lần (đợt 4); NO ₂ ⁻ -N vượt 1,44 - 1,62 lần (đợt 1, 2); TSS vượt 1,6 lần (đợt 2)
3	Điểm tiếp nhận nước thải của CCN Cộng Hòa (Chí Linh) (Mương thủy nông của khu vực gần chân	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 4,91 -8,67 lần; NO ₂ ⁻ - N vượt 1,9 -5,98 lần; đợt I: TSS = 99 mg/l vượt 1,98 lần; PO ₄ ³⁻ -P vượt 3,57 - 3,67 lần;	NO ₂ ⁻ - N vượt 1,22- 6 lần; TSS vượt 1,22- 1,38 lần; đợt II: NH ₄ ⁺ -N=2,36 mg/l vượt 2,62 lần;	NO ₂ ⁻ - N vượt 1,16 - 4,24 lần; đợt 2: NH ₄ ⁺ -N vượt 1,56 lần, TSS vượt 1,72 lần	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 1,29 - 3,39 lần (đợt 1, 2, 3); TSS vượt 1,3 - 1,96 lần (đợt 2, 4)

STT	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc			
		Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	cầu Ma)				
4	Điểm tiếp nhận nước thải của CCN Tân Dân (Chí Linh) (Mương thủy nông của khu vực trước cổng nhà máy gạch Kính)	DO không đạt QCCP; NH_4^+ -N vượt 1,51- 10,17 lần; NO_2^- -N vượt 2,72 -10,568 lần; PO_4^{3-} -P= 0,94mg/l vượt 3,13-3,67 lần;	DO không đạt QCCP; NH_4^+ -N vượt 2,09-2,5 lần; NO_2^- -N vượt 1,1-4,22 lần; đợt II: F = 1,78 mg/l vượt 1,19 lần;	DO không đạt QCCP; F ⁻ vượt 2,07 - 5,2 lần; NH_4^+ -N vượt 1,29 -8,83 lần; đợt 2: NO_2^- -N vượt 5,76 lần; đợt 4 vượt 1,98 lần; đợt 4: PO_4^{3-} -P = 0,59 mg/l vượt 1,98 lần;	DO không đạt QCCP F ⁻ vượt từ 2,65 - 8,93 lần (đợt 1, 2, 3); NH_4^+ -N vượt 1,04 - 6,33 lần; PO_4^{3-} -P vượt từ 1,13 - 1,33 lần (đợt 1, 2)
5	Điểm tiếp nhận nước thải của CCN Hiệp Sơn (Kinh Môn) (Mương thủy nông của khu vực giáp danh giữa Xi măng Thành công III và thép Hoà Phát)	DO không đạt QCCP; NH_4^+ -N= 1,51 mg/l vượt 1,68-6,36 lần; NO_2^- -N vượt 1,08-4,64 lần, đợt III: COD = 32 mg/l vượt 1,07 lần	Đợt I: NH_4^+ -N = 1,85 mg/l vượt 2,06 lần; NO_2^- -N = 0,197 mg/l vượt 3,94 lần; PO_4^{3-} -N = 0,32 mg/l vượt 1,07 lần; đợt II: TSS = 142 mg/l vượt 2,84 lần	DO không đạt QCCP; NH_4^+ -N vượt 1,14 - 1,72 lần; đợt 1: NO_2^- -N = 0,245 mg/l vượt 4,9 lần; đợt 3: PO_4^{3-} -P = 0,35 mg/l vượt 1,15 lần;	DO không đạt QCCP; NH_4^+ -N vượt từ 1,6 - 2,7 lần (đợt 2, 3, 4); NO_2^- -N vượt 4,14 lần (đợt 4); COD vượt 1,1 lần (đợt 3);
6	Điểm tiếp nhận nước thải của CCN Phú Thứ (Kinh Môn) (Mương thủy nông của khu vực tại cổng giáp đường 188)	DO không đạt QCCP;	Đợt I: DO = 3,9 mg/l không đạt QCCP; NH_4^+ -N=1,73 mg/l vượt 1,92 lần; NO_2^- -N = 0,192mg/l vượt 3,84 lần; đợt IV: NO_2^- -N = 0,076 mg/l vượt 1,52 lần;		
7	Điểm tiếp nhận nước thải của CCN Duy	DO không đạt QCCP; NH_4^+ -N vượt 1,31-3,6 lần; NO_2^- -N	Đợt I: NH_4^+ -N = 1,4 mg/l vượt 1,56 lần; NO_2^- -N =	DO không đạt QCCP; đợt 1: NO_2^- -N = 0,065 mg/l vượt 1,30 lần;	DO không đạt QCCP; NO_2^- -N vượt 2,6 lần (đợt 4)

STT	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc			
		Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	Tân (Kinh Môn) (Mương thủy nông của khu vực tại công nhà máy xi măng Trung Hải)	N vượt 1,3- 6,78lần; PO ₄ ³⁻ -P vượt 1,3-1,33lần;	0,145 mg/l vượt 2,9 lần; PO ₄ ³⁻ -N = 0,79 mg/l vượt 2,63 lần; đợt II: DO = 3,8 mg/l không đạt QCCP; đợt III: PO ₄ ³⁻ -P = 0,33 mg/l vượt 1,11 lần		
8	Điểm tiếp nhận nước thải của CCN Long Xuyên (Kinh Môn) (Mương thủy nông của khu vực tại công thoát nước trước khi chảy ra sông Kinh Môn)	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 1,86 lần; NO ₂ ⁻ -N = 0,154 mg/l vượt 3,0-9,1 lần;	DO không đạt QCCP; đợt II: TSS = 147 mg/l vượt 2,94 lần	DO không đạt QCCP	DO không đạt QCCP;
9	Điểm tiếp nhận nước thải của CCN Kim Lương (Kim Thành) (Mương thủy nông của khu vực giáp danh giữa đống tàu Hoàng Gia và giấy Bình Dương)	DO = 2,9 mg/l không đạt QCCP; NO ₂ ⁻ -N vượt 1,28-10,4 lần; đợt IV: NH ₄ ⁺ -N=7,95 mg/l vượt 8,83 lần; ; COD = 44mg/l vượt 1,47 lần; BOD = 22 mg/l vượt 1,47 lần;	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 1,16-4,81 lần	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 2,83 - 4,85 lần; PO ₄ ³⁻ -P vượt 2,18 – 2,23 lần; đợt 3: TSS = 95 mg/l vượt 1,90 lần; đợt 4: COD = 41 mg/l vượt 1,37 lần	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt từ 1,77 - 6,67 lần (cả 4 đợt); NO ₂ ⁻ -N 1 vượt từ 1,28 – 1,8 lần (đợt 1, 3); PO ₄ ³⁻ -P vượt 1,8 lần (đợt 3); COD vượt từ 1,33 - 2,26 lần (đợt 2, 3, 4); BOD ₅ vượt từ 1,2 - 1,4 lần (đợt 2, 4); TSS vượt từ 1,4 - 2,34 lần (đợt 2, 4);

STT	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc			
		Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
10	Điểm tiếp nhận nước thải của CCN Quỳnh Phúc (Kim Thành) (Mương thủy nông của khu vực gần xi măng Thành Công I)	DO không đạt QCCP; đợt II: NH ₄ ⁺ -N = 1,82 mg/l vượt 2,02 lần; đợt IV: COD = 46mg/l vượt 1,53 lần; BOD = 24 mg/l vượt 1,6 lần;	Đợt I: DO = 2,54 mg/l không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N = 2,65 mg/l vượt 2,94 lần; NO ₂ ⁻ - N = 0,057mg/l vượt 1,14 lần; COD = 34 mg/l vượt 1,13 lần; đợt IV: NH ₄ ⁺ -N = 1,0 mg/l vượt 1,11 lần; NO ₂ ⁻ - N = 0,133 mg/l vượt 2,66 lần;	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 1,22 – 2,28 lần; đợt 3: TSS = 61 mg/l vượt 1,22 lần; đợt 4: NH ₄ ⁺ -N = 2,28 mg/l vượt 2,53 lần	DO không đạt QCCP (đợt 2, 3); NO ₂ ⁻ -N vượt 1,54 lần (đợt 4); COD vượt 1,57 lần (đợt 1);
11	Điểm tiếp nhận nước thải của CCN Cộng Hòa (Kim Thành) (Mương thủy nông của khu vực gần bưu điện Lai Khê)	DO không đạt QCCP; đợt I: COD= 66mg/l vượt 2,2 lần; BOD= 25mg/l vượt 1,66 lần	DO = 2,53 mg/l không đạt QCCP; đợt I: COD vượt 1,2 lần	DO không đạt QCCP	NH ₄ ⁺ -N vượt từ 1,34 - 5,56 lần (đợt 1, 2, 3); COD vượt 2,8lần và BOD ₅ vượt 2,27 lần (đợt 1)
12	Điểm tiếp nhận nước thải của CCN An Đồng (Nam Sách) (Mương thủy nông của khu vực sau nhà máy An Phát 2)	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 1,4-27,5 lần; NO ₂ ⁻ - N = 0,448 mg/l vượt 8,96lần; PO ₄ ³⁻ -P vượt 1,07-4,2lần	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 1,94-4,47 lần; PO ₄ ³⁻ -N vượt 1,03-1,9 lần; NO ₂ ⁻ - N vượt 1,92-2,24 lần;	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 1,68 – 8,11 lần; NO ₂ ⁻ - N vượt 2,04 - 2,92 lần; COD vượt 1,06 -2,43 lần; đợt 1: BOD = 26 mg/l vượt 1,73 lần, PO ₄ ³⁻ -P = 1,55 mg/l vượt 5,15 lần	DO không đạt QCCP (đợt 4); NH ₄ ⁺ -N vượt 1,27 - 3,7 lần (đợt 1, 2, 4); NO ₂ ⁻ -N vượt 2,06 lần (đợt 2); PO ₄ ³⁻ -P vượt 1,3 lần (đợt 2); COD vượt từ 1,3 - 2,3 lần (đợt 2, 3, 4); BOD ₅ vượt 1,2 lần (đợt 2)
13	Điểm tiếp nhận nước	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -	DO không đạt QCCP;	DO không đạt QCCP; đợt 1: NH ₄ ⁺ -N	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N

STT	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc			
		Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	thải của CCN Ba Hàng (TP.Hải Dương) (Mương thủy nông của khu vực gần công ty gạch Thành Đạt)	N vượt 2,93 - 10,28 lần; NO ₂ ⁻ - N vượt 2,36-8,84lần; PO ₄ ³⁻ P vượt 2,8-5,53 lần; COD vượt 1,17-1,57 lần; đợt III: BOD = 17 mg/l vượt 1,13 lần	NH ₄ ⁺ -N vượt 10,42-10,44 lần; NO ₂ ⁻ - N vượt 1,2-5,68 lần; COD vượt 1,03-1,46 lần; đợt I: PO ₄ ³⁻ -N = 2,2 mg/l vượt 7,33 lần;	= 1,10 mg/l vượt 1,22 lần và NO ₂ ⁻ - N = 0,066 mg/l vượt 1,32 lần	vượt 1,4 - 2,8 lần (cả 4 đợt); NO ₂ ⁻ -N vượt 1,08 - 2,64 lần (đợt 2, 4); PO ₄ ³⁻ P vượt 1,13 - 1,22lần (đợt 3, 4) COD vượt 1,03 - 1,6 lần (đợt 1, 3, 4);
14	Điểm tiếp nhận nước thải của CCN Cẩm Thượng – Việt Hòa (TP.Hải Dương) (Kênh thoát nước của khu vực sau công ty PNG)	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 8,4-35,28 lần; PO ₄ ³⁻ -P vượt 1,57-6,73lần; COD vượt 1,57-12,86 lần; BOD= vượt 1,07-12,66 lần; đợt I: TSS = 84 mg/l vượt 1,68lần; Coliform= 43000 MNP/100ml vượt 5,73 lần; dầu mỡ = 2,74 mg/l vượt 2,74 lần; đợt IV: NO ₂ ⁻ - N = 0,057mg/l vượt 1,14 lần	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 2,67-142,5 lần; COD vượt 1,17-5,83 lần; PO ₄ ³⁻ -N vượt 1,11-3,47 lần; BOD vượt 1,13-4,33 lần; Coliform vượt 1,24-14,67 lần; Dầu mỡ = 1,48 mg/l vượt 1,48 lần.	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 2,78 – 15,56 lần; PO ₄ ³⁻ -P vượt 1,88 - 14,23 lần; COD vượt 1,23 - 2,83 lần; BOD ₅ vượt 1,2 - 3,07 lần; Coliform vượt 1,24-3,07 lần	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 12,1 - 28,3 lần (cả 4 đợt); PO ₄ ³⁻ P vượt 1,7 - 21,3 lần (cả 4 đợt); COD vượt từ 1,06-6,06 lần (cả 4 đợt); BOD ₅ vượt từ 1,33 - 2,8 lần (đợt 2, 3, 4); Coliform vượt từ 1,47 - 12,4 lần (đợt 1,2,3);
15	Điểm tiếp nhận nước thải của CCN Cao An (Cẩm Giàng) (Mương thủy nông của khu vực gần công ty Tadlack)	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N = 1,46mg/l vượt 1,62-2,27lần; PO ₄ ³⁻ -P vượt 3-7,8 lần; NO ₂ ⁻ - N = 0,750mg/l vượt 15lần; đợt IV: COD = 42 mg/l vượt 1,4 lần; BOD = 20mg/l vượt 1,33 lần	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 1,06-2,67 lần; đợt I: NO ₂ ⁻ - N = 0,051mg/l vượt 1,02 lần; PO ₄ ³⁻ -N = 0,93 mg/l vượt 3,1 lần; F = 8,65 mg/l vượt 5,77 lần; đợt II: COD = 32mg/l vượt 1,07 lần	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 1,1 – 13,89 lần; đợt 1: PO ₄ ³⁻ -P = 1,66 mg/l vượt 5,53 lần; COD vượt 1,2 – 1,43 lần; đợt 4 BOD ₅ = 16 mg/l vượt 1,07 lần	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt từ 1,3 - 7,8 lần (cả 4 đợt); COD vượt từ 1,1 - 2,33 lần (đợt 2,3,4); BOD ₅ vượt từ 1,2 - 1,33 lần (đợt 3,4)

STT	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc			
		Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
16	Điểm tiếp nhận nước thải của CCN Lương Điền (Cẩm Giàng) (Mương tiêu của khu vực trước cổng UBND xã Lương Điền)	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 1,1-2,94 lần; đợt I: NO ₂ ⁻ -N = 0,056mg/l vượt 1,12lần; đợt II: PO ₄ ³⁻ -P = 0,52 mg/l vượt 1,73 lần	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 1,02-1,44 lần; đợt I: NO ₂ ⁻ -N = 0,075 mg/l vượt 1,5 lần COD = 38 mg/l vượt 1,26 lần; BOD = 18 mg/l vượt 1,2 lần	NH ₄ ⁺ -N vượt 1,22 – 2,37 lần; đợt 2: COD = 34 mg/l vượt 1,13 lần;	DO không đạt QCCP (đợt 1); NH ₄ ⁺ -N vượt từ 2,44 - 4,0 lần (đợt 1,3,4); NO ₂ ⁻ -N vượt 17,48 lần (đợt 4); COD vượt 2,6 lần và BOD ₅ vượt 1,53 lần (đợt 3)
17	Điểm tiếp nhận nước thải của CCN Tân Hồng (Bình Giang)(Sông Đường 392 trước gần gỗ Mạnh Tuyên)	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 1,8-6,39 lần; COD vượt 1,1-2,3 lần; đợt II: NO ₂ ⁻ -N = 0,12 mg/l vượt 2,4 lần; đợt III: BOD = 32mg/l vượt 2,13 lần	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 1,19-5,39 lần; NO ₂ ⁻ -N vượt 1,26-3,08 lần	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 1,03 – 11,56 lần; NO ₂ ⁻ -N vượt 1,08–1,64 lần;	DO không đạt QCCP (đợt 4); NH ₄ ⁺ -N vượt từ 1,18 - 5,3 lần (cả 4 đợt); COD vượt từ 1,63 - 2 lần (đợt 3, 4); BOD ₅ vượt 1,2 lần (đợt 3); TSS vượt 2,8 lần (đợt 3)
18	Điểm tiếp nhận nước thải của CCN Hưng Thịnh (Bình Giang) (Mương thoát nước của khu vực sau cty Omic)	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 3,89-9,22 lần; PO ₄ ³⁻ -P vượt 1,06-3,13lần; COD vượt 1,07-5,93 lần, đợt IV: NO ₂ ⁻ -N = 0,54mg/l vượt 10,8 lần; BOD = 74mg/l vượt 4,93 lần	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 8,83-15,1 lần; PO ₄ ³⁻ -P vượt 1,11-4,43 lần; đợt I: COD = 32 mg/l vượt 1,07 lần; Coliform = 9.300 MNP/100ml vượt 1,24 lần	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 1,18 – 6,81 lần; PO ₄ ³⁻ -P vượt 1,33 – 1,83 lần; đợt 1: COD = 51 mg/l vượt 1,70 lần và BOD ₅ = 18 mg/l vượt 1,2 lần	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt từ 3,86 - 5,3 lần (đợt 2, 4); PO ₄ ³⁻ -P vượt 2,16 lần (đợt 2); COD vượt từ 1,13 - 1,6 lần;
19	Điểm tiếp nhận nước thải của CCN Tráng Liệt (Bình Giang) (Mương tiêu của khu	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 2,78-16,78 lần; PO ₄ ³⁻ -P vượt 3,07-6,7lần; đợt I: Coliorm vượt 1,24	Dokhông đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 1,98-13,06 lần; PO ₄ ³⁻ -P vượt 2,2-6,93 lần; COD = 46 mg/l vượt 1,53	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 1,39 – 5,53 lần; COD vượt 2,27 – 3,17 lần; BOD ₅ vượt 1,33 -1,87 lần; PO ₄ ³⁻ -P vượt 1,4 5,24 lần;	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt từ 8,8 -13,89 lần (cả 4 đợt); PO ₄ ³⁻ -P vượt từ 5,06 - 6,58 lần (cả 4 đợt); COD vượt 1,3 lần

STT	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc			
		Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	vực sau công ty Hưng Phú)	lần; COD= 118mg/l vượt 3,93 lần; BOD= 55mg/l vượt 3,66 lần; TSS = 67 mg/l vượt 1,34lần;	lần; BOD ₅ = 20 mg/l vượt 1,33 lần; đợt II: Coliform = 11.000 MNP/100ml vượt 1,47 lần .	đợt 3: Coliform = 9300 MNP/100ml vượt 1,24 lần; đợt 4: TSS= 57 mg/l vượt 1,14 lần;	(đợt 3); Coliform vượt 1,34 - 1,47 lần (đợt 1, 3, 4)
20	Điểm tiếp nhận nước thải của CCN Thạch Khôi – Gia Xuyên (Gia Lộc) (Kênh Thạch Khôi–Đoàn Thượng)	DO = 2,4 mg/l không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N= vượt 2,78-6,11lần; NO ₂ ⁻ - N vượt 1,82-8,96 lần; PO ₄ ³⁻ -P vượt 1,33-1,7lần	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 2,49-5,53 lần; NO ₂ ⁻ - N vượt 2,14-8,12 lần; đợt II: COD = 41 mg/l vượt 1,37 lần.	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 1,72 – 14,44 lần; NO ₂ ⁻ - N vượt 1,96 - 3,28 lần; đợt 1: F ⁻ = 1,51 mg/l vượt 1,01 lần; đợt 4 Coliform = 9300 MNP/100ml vượt 1,24 lần;	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 3,18 - 12,5 lần (cả 4 đợt); NO ₂ ⁻ -N vượt từ 1,22 - 2,28 lần (đợt 1, 3); PO ₄ ³⁻ -P vượt 4 - 4,89 lần (đợt 2, 3, 4); COD vượt từ 1,03 – 4,3 lần (cả 4 đợt); BOD ₅ vượt từ 1,33 - 2,6 lần (đợt 2,4); TSS vượt 1,72 lần (đợt 2) Coliform vượt từ 1,24 - 1,47 lần (đợt 2, 3, 4)
21	Điểm tiếp nhận nước thải của CCN Kỳ Sơn (Tứ Kỳ) (Kênh Bá Liễu – Trại Vực)	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 1,44-12 lần; NO ₂ ⁻ - N vượt 2,78-8,94lần; đợt IV:COD = 32mg/l vượt 1,07 lần; TSS = 58mg/l vượt 1,16 lần	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 1,72-2,62 lần; NO ₂ ⁻ - N vượt 2,72-7,8 lần; COD vượt 1,13-1,4 lần; lần II: pH = 10,87 không đạt QCCP.	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 1,65 – 4,47 lần; đợt 1 NO ₂ ⁻ - N = 0,121 mg/l vượt 2,42 lần và PO ₄ ³⁻ -P= 1,11 mg/l vượt 3,68 lần	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 1,92 - 4,6 lần (đợt 2, 3, 4); NO ₂ ⁻ -N vượt 1,34 – 13,24 lần (đợt 3, 4); PO ₄ ³⁻ -P vượt từ 4,44 - 5,53 lần (đợt 2 ,3, 4); COD vượt 1,4 - 1,86 lần (đợt 1, 2, 3); BOD ₅ vượt 1,06 lần (đợt 2);

STT	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc			
		Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
22	Điểm tiếp nhận nước thải của CCN Ngọc Sơn (Tứ Kỳ)(Kênh Bá Liễu – Trại Vực)	DO không đạt QCCP; NH_4^+ -N vượt 1,4-8,04 lần; NO_2^- -N = 0,266mg/l vượt 4,04-24,7 lần; COD vượt 1,03-1,4 lần; đợt IV: BOD_5 = 20mg/l vượt 1,33 lần; TSS = 68mg/l vượt 1,36 lần	DO=2,9 mg/l không đạt QCCP; NH_4^+ -N vượt 2,06-6,72 lần; NO_2^- -N vượt 3,08-9,2 lần; COD vượt 1,2-3 lần; TSS vượt 1,66-2,32 lần; đợt II: BOD_5 = 42mg/l vượt 2,8 lần;	DO không đạt QCCP; NH_4^+ -N vượt 3,61 – 4,61 lần; NO_2^- -N vượt 1,04 - 6,24 lần; COD vượt từ 1,57 – 1,60 lần; đợt 2: PO_4^{3-} -P = 0,38 mg/l vượt 1,27lần	DO không đạt QCCP; NH_4^+ -N vượt từ 2,94 - 10,5 lần (cả 4 đợt); PO_4^{3-} -P vượt từ 4,46 - 5,44 lần (đợt 2, 3, 4); COD vượt từ 1,5 – 3,76 lần (đợt 1,2,3); BOD_5 vượt 2,46 lần (đợt 2); TSS vượt 2,44 lần (đợt 2) Coliform vượt 1,24 lần (đợt 2)
23	Điểm tiếp nhận nước thải của CCN Nguyễn Giáp (Tứ Kỳ) (Mương thủy nông của khu vực công ty Minh Anh)	DO không đạt QCCP; NH_4^+ -N vượt 1,02-2,11lần; NO_2^- -N vượt 1,84-48,8 lần; PO_4^{3-} -P vượt 1,13-1,7 lần, đợt I: COD= 31mg/l vượt 1,0 lần, đợt II: TSS = 74mg/l vượt 1,48 lần	đợt I: DO= 3,6 không đạt QCCP; đợt I: NO_2^- -N = 0,076 mg/l vượt 1,52 lần	DO không đạt QCCP; đợt I: NH_4^+ -N = 2,05 mg/l vượt 2,28lần và NO_2^- -N = 0,066 mg/l vượt 1,32 lần;	DO không đạt QCCP; NH_4^+ -N vượt 3,56 lần (đợt 1); NO_2^- -N vượt 2,94 lần (đợt 4);
24	Điểm tiếp nhận nước thải của CCN Nghĩa An (Ninh Giang) (Mương thủy nông của khu vực gần công ty Sumidenso)	DO = 3,5 mg/l không đạt QCCP; NH_4^+ -N vượt 1,32-4lần; NO_2^- -N vượt 1,12-7,56lần; đợt I: PO_4^{3-} -P= 0,53mg/l vượt 1, 77lần	DO không đạt QCCP; NH_4^+ -N vượt 1,06-1,56 lần; đợt I: NO_2^- -N = 0,086 mg/l vượt 1,72 lần; COD = 37 mg/l vượt 1,23 lần; TSS = 64 mg/l vượt 1,28 lần	DO không đạt QCCP; NH_4^+ -N vượt 2,53 - 6,94 lần	DO không đạt QCCP; NH_4^+ -N vượt từ 1,7 – 3,3 lần (cả 4 đợt); PO_4^{3-} -P vượt 1,1 lần (đợt 1); COD vượt từ 1,13 - 2,2 lần (cả 4 đợt); BOD_5 vượt 1,53 lần (đợt 3)
25	Điểm tiếp nhận nước thải của KCN Lương	-	DO không đạt QCCP; NH_4^+ -N vượt 2,28-4,08 lần;	DO không đạt QCCP; NH_4^+ -N vượt 1,14 – 3,72 lần; đợt 2: Coliform= 11000 NMP/100ml vượt 1,47 lần	DO không đạt QCCP; NH_4^+ -N vượt từ 1,02-5,2 lần (cả 4 đợt);

STT	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc			
		Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	Điền – Cẩm Điền		đợt II: COD = 39 mg/l vượt 1,3 lần.		COD vượt từ 1,4-3 lần (đợt 2, 3, 4); BOD ₅ vượt 1,87 lần (đợt 4)
26	Điểm tiếp nhận nước thải của CCN đoàn Tùng - Huyện Thanh Miện	-	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 1,44-1,86 lần; PO ₄ ³⁻ -P vượt 1,8-7,5 lần; đợt II: NO ₃ ⁻ -N = 21,22 mg/l vượt 2,12 lần; NO ₂ ⁻ -N = 0,216 mg/l vượt 4,32 lần;	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt 1,16 – 4,78 lần; đợt 1: NO ₂ ⁻ -N = 0,244 mg/l vượt 4,88 lần và PO ₄ ³⁻ -P = 1,25 mg/l vượt 4,17 lần; đợt 2: TSS = 82 mg/l vượt 1,64 lần;	DO không đạt QCCP; NH ₄ ⁺ -N vượt từ 1,5 - 4,24 (đợt 1, 2); NO ₂ ⁻ -N vượt từ 1,4-11,44 lần (đợt 1, 2, 3); PO ₄ ³⁻ -P vượt 1,23 lần (đợt 2); COD vượt 1,4 - 1,87 lần (đợt 1, 2, 3); BOD ₅ vượt 1,06 -1,13 lần (đợt 1,2)

BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH HỖND TỈNH